

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thỏa và bà Trần Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quấn Thị H1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Lưu Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Quấn Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lưu Văn H đăng ký kết hôn ngày 25/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H hay nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, tháng 10/2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Ph, xã Đ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn và không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lưu Minh A, sinh ngày 18/3/2016 và Lưu Yến Nh, sinh ngày 04/01/2019, hiện đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu Yến Nh, anh H nuôi cháu Minh A, chị và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị H1 trình bày về quá trình chung sống, thời điểm ly thân. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng tình cảm vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn chị H1.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh thừa nhận và thống nhất với quan điểm của chị H1. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Minh A, chị H1 nuôi cháu Yến Nh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quản Thị H1, cho chị H1 được ly hôn anh Lưu Văn H; Giao cho chị H1 nuôi cháu Yến Nh, anh H nuôi cháu Minh A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Chị H1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Quản Thị H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn H; anh H có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quản Thị H1 và anh Lưu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 10/2020 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã phối hợp cùng chính địa phương lấy lời khai của anh H, mặc dù anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Điều đó, chứng tỏ, anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, hôn nhân của chị H1 và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H1, cho chị H1 ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H1 và anh H xác định vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh H nuôi cháu Minh A, chị H1 nuôi cháu Yến Nh; chị H1, anh H không phải cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Quản Thị H1 phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Quản Thị H1 được ly hôn anh Lưu Văn H.

2. Giao cho anh Lưu Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lưu Minh A, sinh ngày 18/3/2016; chị Quản Thị H1 trực tiếp nuôi cháu Lưu Yến Nh, sinh ngày 04/01/2019. Chị H1, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị Quản Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2017/0008254, ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

